TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST
Ngày 21-3-2019
"Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Ông Nguyễn Văn Trên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Trong 21/3/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 281/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2018 về "Tranh chấp về Hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS, ngày 13/02/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2019/QĐST-DS ngày 01/3/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Huệ T, sinh năm 1977; địa chỉ: Số 835, ấp BL, xã BT, huyện LV, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Đặng Thị Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 155, ấp AN, xã ĐA, huyện LV, Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Đặng Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 837, ấp BL, xã BT, huyện LV, Đồng Tháp.

(Chị T, chị Đ và chị L có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/9/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/11/2018 và tại phiên toà bà T trình bày:

Vào ngày 09/02/2017 đến ngày 16/6/2017, chị Đ có vay chị T số tiền 19.000.000 đồng, tiền lãi một triệu một tháng 10.000 đồng. Cụ thể các lần vay theo đúng như đã ghi trong tờ cam kết, như sau:

Vào ngày 09/02/2017, chị Đ có vay 4.000.000 đồng, ngày 20/4/2017, chị Đ vay 11.700.000 đồng, ngày 29/4/2017, chị Đ có vay 300.000 đồng, ngày 16/6/2017, chị Đ vay 3.000.000 đồng. Tổng cộng 19.000.000 đồng, Mỗi lần vay thì không làm biên nhận. Trước khi vay những số tiền trên chị Đ có chiếc xe Wave Alpha tiệm cầm xe bà K ở Vàm Cống, chị Đ có đến gặp chị T kêu chị T chuộc về vì chủ tiệm sắp bán xe cho người khác giá rẻ, rồi tháng sau hốt hụi xong trả tiền vốn vay và lãi cho chị T, nếu sau một tháng chị Đ không chuộc thì chị T lấy xe luôn, sau đó, chị Đ không chuộc, nên chiếc xe không có liên quan đến việc chị Đ vay tiền. Hiện chiếc xe chị T đang giữ. Tờ cam kết bà T viết trang đầu tiên. Phía dưới là chị Đ và chị L có ký tên và lăn tay.

Nay bà T yêu cầu chị Đ trả vốn vay 19.000.000 đồng, yêu cầu lãi theo quy định của pháp luật tính từ tháng 6/2017 đến nay lãi suất 0,75%/tháng: 2.992.500 đồng. Tổng cộng là 21.992.500 đồng.

Bà T có đơn xin rút không yêu cầu bà L cùng trả.

- Tại Bản trình bày ý kiến đề ngày 19/11/2018 và cũng như tại phiên tòa ngày 03/12/2018 bà Đ trình bày: Vào năm 2016 chị Đ có thế chấp xe cho tiệm của chị P chợ Vàm Cống xe wave anpha là 10.000.000 đồng, khi tiền lãi và vốn lên 11.800.000 đồng thì chị T kêu chị Đ cho vay 10.00.000 đồng để chuộc xe. Chị T không không đưa tiền trực tiếp cho chị Đ mà cầm tiền ra tiệm cầm đồ, chị T đưa chị P, chị Đ đưa thêm 1.300.000 đồng thì chị P giao xe luôn chị T, chị Đ cũng đồng ý. Hôm sau chị Đ đưa chị T 500.000 đồng không làm biên nhận để chị T lấy giấy tờ xe. Hiện chị T đang giữ xe và giấy tờ xe. Tiền lãi mỗi tháng 500.000 đồng, không hẹn thời gian trả vốn. Đóng được một năm tiền lãi thì ngưng. Sau đó, chị Đ không có tiền đóng lãi nên chị T viết sẵn biên nhận nợ và kêu có người bảo lãnh ký tên vào. Chị Đ có nhờ chị L ký bảo lãnh. Hai chị em ký tên cùng lúc, có lăn tay, chị Đ lăn ngón trỏ và cái của bàn tay phải và trái, lăn một lần. Nhưng không phải tờ cam kết hiện nay chị T nộp. Lúc ký tên và lăn tay thì còn nguyên cuốn tập, tờ biên nhận được viết và ký tên, lăn tay vào một mặt giấy. Chị Đ không đọc nội dung mà nhờ chị T đọc. Nội dung có ghi nhận là có thế chấp xe. Ký tên, lăn tay xong thì chị T giữ chứ không đưa chị Đ. Chị Đ xác định chữ ký và dấu vân tay trong tờ cam kết này không phải của chị Đ. Chị Đ không yêu cầu giám định chữ ký và dấu vân tay này. Sau đó chị Đ trả 3 lần, hai lần đầu 3.000.000 đồng, một lần 4.000.000 đồng, không nhớ thời gian trả, cũng không làm biên nhận, lúc trả có chị L cũng đi trả. Nay chị Đ chỉ còn nợ 2.000.000 đồng nên chỉ đồng ý trả 2.000.000 đồng, không trả lãi. Đối với tiền lãi đã trả chị T thì chị Đ không yêu cầu gì. Yêu cầu chị T trả lại xe thế chấp cho chị T một chiếc xe gắn máy: Wave Alpha Biển số 66V1-30055, màu sơn: Xanh.

Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay chị Đ trình bày: Chị Đ xác định chữ ký tên và dấu vân tay trong tờ cam kết chị T đưa ra là đúng của chị Đ. Tuy nhiên, lúc đó chỉ ghi số tiền vay là 10.000.000 đồng, số tiền còn lại do bà T tự ghi thêm, vì lúc chị T đưa cho chị Đ ký tên thì từ chỗ số tiền chừa một khoảng trống chị T kêu chị Đ ký tên và lăn tay, lúc đó chị T nói chừa khoảng trống để khi nào chị Đ trả tiền thì ghi vào, chị Đ không nghi ngờ gì nên cũng đồng ý. Lúc đó, không ghi nhận gì đối với việc cầm chiếc xe vì chiếc xe được thỏa thuận sau khi làm tờ cam kết. Do đó, chị Đ không yêu cầu giám định chữ ký và dấu vân tay.

Đối với chiếc xe chị T đã lấy để trừ nợ nên chị Đ không yêu cầu gì nên không làm đơn kiện theo thông báo của Tòa án. Nay chị T không yêu cầu gì đối với chiếc xe, khi nào cần sẽ kiện thành vụ kiện khác.

Nếu Tòa án buộc phải trả nợ cho chị T thì chị Đ không yêu cầu chị L cùng trả.

- Chị L trình bày: chị L là em ruột của chị Đ. Việc vay tiền giữa chị T và chị Đ thì chị L không biết. Sau khi chị Đ làm xong biên nhận thì mới đến gặp chị L, kêu chị L ký tên làm chứng cho việc chị Đ có vay tiền và thế chấp xe cho chị T. Biên nhận lúc đó đã viết sẵn nhưng nghe nói chị T viết. Chị T đọc lại cho chị L nghe, chị L nghe nội dung chị Đ vay 10.000.000 đồng, thế chấp xe wave anpha, trả vốn, lãi 12.000.000 đồng là chấm dứt thì chị T sẽ trả xe. Chị L ký tên chữa L và ghi họ tên luôn. Chị L có lăn tay là ngón trỏ và cái của tay phải, mỗi ngón lăn một dấu, không có lăn tay trái. Lúc này là chị T đưa nguyên cuốn tập học sinh, chị T giữ chứ không đưa chị L.

Nay chị L không có trách nhiệm cùng chị Đ trả mà yêu cầu chị Đ trả cho chị T. Chị L không yêu cầu giám định chữ ký, dấu vân tay trong tờ cam kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đ, chị L đang sinh sống tại huyện LV nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện LV, theo quy định tại Điều 28; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Việc chị T cho chị Đ vay tiền là có thật, được chị Đ thừa nhận và xác nhận chữ ký tên và dấu vân tay trong tờ cam kết là của chị Đ.

Chứng cứ chị T đưa ra là Tờ cam kết (Bản gốc) được viết trên giấy tập học sinh, có nội dung ghi nhận chị Đ vay của chị T 14.500.000 đồng.

Tuy nhiên, giữa chị T và chị Đ có tranh chấp về số tiền vay.

Chị Đ cho rằng tờ cam kết chỉ ghi 10.000.000 đồng, do chừa khoảng trống mới ký tên nên chị T đã tự ghi thêm số tiền. Tuy nhiên, trong tờ cam kết không có số tiền nào là 10.000.000 đồng. Trong khi đó, chữ ký tên và dấu vân tay thì chị Đ xác định là của chị Đ.

Đối chiếu với lời khai của chị Đ trong biên bản hòa giải, trong phiên tòa trước đây và hôm nay có sự mâu thuẫn trái ngược nhau. Trước đây chị Đ cho rằng trong tờ cam kết dấu vân tay và chữ ký tên không phải của chị Đ, trong nội dung có ghi nhận việc thỏa thuận về chiếc xe. Tuy nhiên, phiên tòa hôm nay chị Đ xác định dấu vân tay và chữ ký tên là của chị Đ, đồng thời do chiếc xe thỏa thuận sau nên không có ghi vào tờ cam kết.

Như vậy, lời khai của chị Đ trước sau không thống nhất, không thể hiện tính chất chân thật của lời khai. Việc chị Đ cho rằng chị T ghi thêm số tiền vào không được chị T thừa nhận, không có gì chứng minh.

Xét yêu cầu của chị T và chứng cứ chị T đưa ra là Tờ cam kết, được viết liên tục, chị Đ cũng thừa nhận có ký tên và lăn tay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị T là có căn cứ.

Tại Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

"Điều 463. Hợp đồng vay tài sản

Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định."

"Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác."

Từ phân tích và điều luật viện dẫn trên, xét thấy chị T yêu cầu chị Đ trả vốn vay 19.000.000 đồng là có căn cứ.

Chị T yêu cầu chị Đ trả lãi từ ngày vay đến nay theo mức lãi suất 0,75%/tháng là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do chị T không yêu cầu chị L cùng trả, chị Đ cũng thống nhất. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét nghĩa vụ của chị L.

Đối với chiếc xe do Tòa án đã có văn bản yêu cầu chị Đ làm đơn theo quy định để được xem xét giải quyết, nhưng hết thời hạn chị Đ không yêu cầu, đồng thời tại phiên tòa chị Đ cũng xác định không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Khi nào cần thì chị Đ làm đơn khởi kiện thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Đ bị buộc thực hiện nghĩa vụ dân sự nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trần Thị Huệ T.

Buộc chị Đặng Thị Đ có nghĩa vụ trả lại cho chị Trần Thị Huệ T số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) và tiền lãi là 2.992.500 đồng (Hai triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng). Tổng cộng vốn và lãi là 21.992.500 đồng (Hai mươi mốt triệu chín trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Khi có đơn yêu cầu thi hành án của chị T mà chị Đ chưa trả số tiền trên thì chị Đ còn phải trả lãi theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định đến khi thi hành xong.

2. Về án phí: Buộc chị Đặng Thị Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.099.600 đồng (Một triệu không trăm chín mươi chín nghìn sáu trăm đồng).

Chị Trần Thị Huệ T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 532.000 đồng (Năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003093 ngày 03/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV.

3. Án xử công khai, có mặt các đương sự, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Thị Kiều Tiên

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.